

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/DS-ST  
Ngày: 07-9-2022  
V/V “tranh chấp hui”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Bảo Trí.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Võ Văn Long.

Ông Trần Văn Ninh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Thu- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 193/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2022, về việc “tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Thúy K. Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Võ Thụy Kim T. Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Quý P. Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P:

1/ Ông Lê Văn P.

2/ Ông Bùi Duy T.

Cùng địa chỉ: Ngõ Q, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 01-8-2022 và quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Thị Thúy K là nguyên đơn trình bày:* Từ năm 2021 bà T là chủ hui, bà là hui viên, bà có tham gia các dây hui như sau:

Dây hui 1: Ngày 15/01/2021, hui một tháng khai một lần, hui 3.000.000 đồng, gồm có 17 phần hui, có 16 hui viên, hui hoa hồng là 1.000.000 đồng, bà tham gia 01

phần, hội bắt đầu khai vào ngày 15/01/2021. Bà đóng hội sống được 16 kỳ hội sống là 33.270.000 đồng.

Dây hội 2: Ngày 03/4/2022, hội một tháng khai một lần, hội 3.000.000 đồng, gồm có 16 phần hội, có 16 hội viên, hội hoa hồng là 1.000.000 đồng, bà tham gia 01 phần, hội bắt đầu khai vào ngày 03/4/2022. Bà đóng hội sống được 01 kỳ hội sống là 2.300.000 đồng.

Tổng cộng hai dây hội bà đóng hội sống được là 35.570.000 đồng, ngày 30/6/2022 bà T có trả cho bà 10.000.000 đồng, số tiền còn lại là 25.570.000 đồng. Việc chơi hội có ông P biết và ông P có thu tiền hội của bà một kỳ.

Nay bà yêu cầu cho bà T, ông P liên đới trả cho bà 25.570.000 đồng vốn hội trong thời gian 01 tháng tính từ ngày 07/9/2022.

*Bà Võ Thụy Kim T là bị đơn trình bày:* Qua lời trình bày của bà K về dây hội, số tiền vốn hội, số hội viên, cũng như phần hội bà K đã đóng hội sống, là đúng. Bà còn nợ lại bà K 25.570.000 đồng, số nợ này chỉ có bà và bà K biết, ông P không biết gì trong vụ án này. Bà đề nghị Tòa án xử lý số nợ trên theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bà T trình bày: Bà và ông P chung sống với nhau từ năm 2008 và sống tại số nhà ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Long An từ năm 2011 cho đến nay. Bà đồng ý trả số tiền trên cho bà K trong thời gian 03 tháng tính từ ngày 07/9/2022.

*Ông Lê Văn P là người đại diện theo ủy quyền của ông P trình bày:* Theo bà K trình bày, ông P không biết việc bà T chơi hội, việc chơi hội của bà T không nhằm mục đích phục vụ sinh hoạt chung trong gia đình, không tạo ra bất cứ tài sản nào trong thời gian bà T chơi hội. Khi bề hội mọi người tìm đến nhà đòi nợ thì ông P mới biết nên tự bà T chịu trách nhiệm, ông P không đồng ý liên đới cùng với bà T trả tiền cho bà K.

Tại phiên tòa ông Bùi Duy T là người đại diện theo ủy quyền của ông P trình bày: Thời gian điều kiện kết hôn giữa ông P, bà T là đúng, ông P làm nghề tự do, tài sản chung của ông P, bà T là do gia đình bên chồng bà T tặng cho, nên đề nghị hội đồng xét xử xem xét yêu cầu trách nhiệm liên đới của bà K, đối với ông P, bà T.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Người tiến hành tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án dân sự Thẩm phán tuân thủ các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Những người tham gia phiên tòa: Các đương sự thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Bà K yêu cầu bà T và ông P phải liên đới trả 25.570.000 đồng tiền vốn hội. Bà T thừa nhận số tiền hội bà K khởi kiện là đúng. Bà T, ông P là vợ chồng, nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, việc chơi hội diễn ra tại nhà ông P, bà T thời gian dài, ông P có thu tiền hội của hội viên, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K đối với bà T, ông P.

Tại phiên tòa ông T nộp đơn xác nhận của ông P ngày 31/8/2022.

Tại phiên toà các đương sự khác không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ của vụ án và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền: Bà Huỳnh Thị Thúy K khởi kiện bà Võ Thụy Kim T, ông Trần Quý P về việc “tranh chấp hụi” được quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

[2] Về nội dung vụ án: Bà K yêu cầu bà T, ông P phải liên đới trả cho bà K tổng cộng là 25.570.000 đồng tiền vốn hụi của 02 dây hụi.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình đối với bà T, ông P.

Xét thấy bà K yêu cầu bà T, ông P phải liên đới trả vốn hụi là 25.570.000 đồng, không tính lãi. Bà T xác nhận số tiền hụi do bà K đóng hụi là đúng, việc chơi hụi chỉ có bà T, bà K và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà T, ông P là vợ chồng, việc các bên tham gia chơi hụi trong thời kỳ hôn nhân của bà T và ông P, diễn ra trong thời gian dài, bà T và người đại diện của ông P cho rằng ông P không biết, không có tham gia chơi hụi giữa các bên nên ông P không đồng ý liên đới cùng bà T trả nợ cho bà K, nhưng ông P là người trực tiếp thu gom tiền hụi của các hụi viên và cũng đã biết việc bà K, bà T có tham gia chơi hụi với nhau. Việc khai hụi diễn ra tại nhà bà T, ông P, khi thu tiền hụi của các hụi viên, bà T, ông P cũng không thông báo cho có hụi viên biết chỉ bà T chơi hụi và bà T tự chịu trách nhiệm một mình, nên cần buộc bà T, ông P phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà K số tiền vốn hụi là 25.570.000 đồng theo quy định tại các điều 288, 471 Bộ luật dân sự năm 2015, các điều 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 hướng dẫn về hụi, họ, biếu, phường và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Bà K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà T, ông P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các điều 288, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 hướng dẫn về hụi, họ, biếu, phường và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thúy K về việc “tranh chấp hụi” đối với bà Võ Thụy Kim T, ông Trần Quý P.

Buộc bà T, ông P phải liên đới trả cho bà K số tiền vốn hụi là 25.570.000 đồng (hai mươi lăm triệu năm trăm bảy chục nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Kiều được nhận lại 639.000 đồng (sáu trăm ba mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008019 ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Bà T, ông P phải liên đới chịu 1.278.500 đồng (một triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự
- Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Bảo Trí